

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TU
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc A – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31-8-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TU, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lan Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh

2. Ông Lê Quang Xệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã TU tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã TU tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 27/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 45/2020/TB-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1977; thường trú: Tổ 1, khu phố L, phường P, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trương Thị N, sinh năm 1977; thường trú: Tổ 1, khu phố L, phường P, thị xã TU, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2020 và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn L và bà Trương Thị N chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) P, huyện (nay là thị xã) TU, tỉnh Bình Dương ngày 11/4/2006.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, yêu thương chăm sóc lẫn nhau nhưng sau đó ông L và bà N thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân

do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm về cách dạy con và về mọi lĩnh vực trong sinh hoạt hàng ngày, bà N bỏ nhà đi nơi khác sinh sống. Thời gian đầu khi vợ chồng mới ly thân, thông qua những người em bên vợ, ông L được biết bà N có về An Giang sinh sống khoảng 01 năm. Trước khi nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông L đã hỏi những người em bên vợ về địa chỉ cụ thể của bà N ở An Giang thì được biết bà N không còn ở An Giang nữa mà về lại phường P thuê nhà trọ để chung sống như vợ chồng với người đàn ông khác. Tuy nhiên, bà N không cho ông L và anh em của bà N biết địa chỉ cụ thể ở P. Hàng tháng bà N vẫn về nhà thăm con 2 đến 3 lần, mỗi lần về thăm con bà N thường chọn thời gian ông L đã đi làm nên ông L không gặp trực tiếp bà N được.

Hôn nhân giữa ông L và bà N không còn hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông L yêu cầu được ly hôn với bà Trương Thị N.

- Về con chung: Ông Nguyễn Tấn L và bà Trương Thị N có con chung tên Nguyễn Thanh A, sinh ngày 29-10-2002. Khi ly hôn, ông Nguyễn Tấn L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung không yêu cầu bà Trương Thị N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trương Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông L đã yêu cầu Tòa án đăng thông tin tìm kiếm bà N trên báo Thanh Niên ba ngày liên tiếp nhưng bà N vẫn không đến tham gia tố tụng nên ông Nguyễn Tấn L đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà N.

Tại bản tự khai ngày 08/5/2020, cháu Nguyễn Thanh A trình bày: Từ nhỏ cháu đã ở với ba. Khi cha mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được sống với ba là Nguyễn Tấn L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã TU phát biểu tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Nguyễn Tấn L và bà Trương Thị N là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Nguyễn Tấn L và bà Trương Thị N đã trầm trọng, không thể hàn gắn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Tấn L.

Về con chung: Ông L và bà N có 01 con chung tên Nguyễn Thanh A, sinh ngày 29-10-2002, hiện tại ông L đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn ông L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Yêu cầu của ông L phù hợp với

nguyện vọng của cháu Nguyễn Thanh A, phù hợp quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông L, giao cho ông L được nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Tấn L không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Tấn L không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo kết quả xác minh ngày 05/5/2020 và ngày 25/5/2020 của Tòa án, bà Trương Thị N, sinh sống và đăng ký thường trú tại Tổ 1, khu phố Khánh L, phường P, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Đến thời điểm hiện tại, bà Trương Thị N chưa khai báo với công an phường P về địa chỉ đăng ký thường trú hay tạm trú mới cũng như không có thông tin bà N bỏ đi nơi khác làm ăn sinh sống. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã TU.

[2] Về thủ tục tố tụng và sự vắng mặt của bà Trương Thị N: Tòa án đã niêm yết thông báo thụ lý vụ án; đã triệu tập hợp lệ bà N tham gia hòa giải ngày vào các ngày 03/4/2020, ngày 08/5/2020, ngày 25/5/2020; niêm yết các văn bản tố tụng khác và triệu tập hợp lệ bà N tham gia phiên tòa vào các ngày 11/6/2020, ngày 29/6/2020; Tòa án đã đăng thông tin tìm kiếm bà N trên báo Thanh Niên vào các ngày 11, 12, 13 tháng 7 năm 2020 nhưng bà Trương Thị N không tới Tòa án tham gia tố tụng. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt bà N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Tấn L và bà Trương Thị N tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã TU, tỉnh Bình Dương, đây là hôn nhân hợp pháp.

Ông Nguyễn Tấn L và bà Trương Thị N chung sống không hạnh phúc do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc đến nhau và không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Tòa án đã thông báo và triệu tập bà N tham gia các phiên hòa giải nhằm giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn hạnh phúc gia đình giữa ông L và bà N nhưng bà N vắng mặt không tham gia tố tụng, không có văn bản thể hiện ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của ông L. Như vậy, bà N đã không quan tâm đến việc hàn gắn hạnh phúc gia đình với ông L và đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình tại Tòa án.

Tại biên bản xác minh ngày 05/5/2020, Ủy ban nhân dân phường P, thị xã TU cho biết địa phương không biết nguyên nhân mâu thuẫn dẫn tới ly hôn giữa ông L và bà N vì địa phương không nhận được tin báo hay yêu cầu giải quyết.

Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau có nghĩa vụ chung sống với nhau.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông Nguyễn Tấn L và bà Trương Thị N đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ông Nguyễn Tấn L yêu cầu ly hôn bà Trương Thị N có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Tấn L và bà Trương Thị N có con chung tên Nguyễn Thanh A, sinh ngày 29-10-2002. Hiện tại ông L đang trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền L về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Cháu Nguyễn Thanh A đã trên 07 tuổi, tại văn bản trình bày nguyện vọng đề ngày 08/5/2020, cháu A có nguyện vọng được sống với ông L nếu cha mẹ ly hôn.

Xét thấy, yêu cầu trực tiếp nuôi con chung của ông Nguyễn Tấn L có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Tấn L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Tấn L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Tấn L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 228, 238, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 19, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 85 và Điều 86 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn L với bị đơn bà Trương Thị N về việc ly hôn. Ông Nguyễn Tấn L được ly hôn với bà Trương Thị N.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thanh A, sinh ngày 29-10-2002 cho ông Nguyễn Tấn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Trương Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Tấn L và bà Trương Thị N đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Bà Trương Thị N được quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở. Trường hợp bà Trương Thị N lạm dụng quyền đi lại thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Nguyễn Tấn L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Trương Thị N. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Tấn L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0037734, ngày 09/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã TU, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Tấn L và bà Trương Thị N vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - TAND tỉnh Bình Dương;
 - VKSND tỉnh Bình Dương;
 - VKSND thị xã TU;
 - Chi cục THADS thị xã TU (để thi hành);
 - UBND phường P;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thị Lan Hương

